

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01A/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 02 - 2025

V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Oanh và ông Ma Vĩnh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lục Thu Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa 79/2025/QĐST-DS ngày 22/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nông Thị L**, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Xóm P, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T**, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Xóm B, xã M, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

(Chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/10/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn Nông Thị L trình bày: Chị và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng ngày 03/2/2023, việc đăng ký do hai bên tự nguyện. Thời gian đầu kết hôn chúng tôi chung sống

hạnh phúc, tuy nhiên từ tháng 10/2023 chúng tôi bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh T, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh.

- Về con chung: Chị L và anh T không có con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Hoàng Văn T: Tòa án đã tiến hành triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh đều trốn tránh, vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm, tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc đến nơi cư trú của anh T để xác minh. Tại biên bản lấy lời khai bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1969 (mẹ đẻ của anh Hoàng Văn T) xác nhận: Gia đình đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án triệu tập Hoàng Văn T đến Tòa để giải quyết việc ly hôn và gia đình có thông báo cho anh T biết. Nhưng do anh Tân B đi làm nên không xin nghỉ để về được, hiện nay gia đình chỉ biết anh T đi làm ở miền N nhưng không biết địa chỉ cụ thể. Ngoài ra, bà L1 cho biết trong thời gian chung sống hai vợ chồng chị L và anh T hay xảy ra mâu thuẫn và hiện nay hai vợ chồng đã ly thân.

Tại phiên tòa chị Nông Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị L. Cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét;

- Về án phí: Chị Nông Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nông Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Hoàng Văn T, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm B, xã M, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn Nông Thị L đang đi làm xa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn T không chấp hành đúng quy định của điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị L và anh Hoàng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/2/2023 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Chị L xác định nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do trong cuộc sống chung vợ chồng của anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, anh chị đã ly thân từ 11/10/2023. Từ khi ly thân, mỗi người sống một nơi anh T không hề hỏi thăm hay có ý hàn gắn lại mối quan hệ tình cảm. Hiện nay, anh T đi đâu và làm gì không báo cho chị biết.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị L và anh T đã xảy ra mâu thuẫn trong hôn nhân và thực tế đã không còn chung sống cùng nhau dẫn đến hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn xảy ra kéo dài nhưng chị L và anh T không có biện pháp để hàn gắn mối quan hệ này và mặc dù anh T biết việc chị L xin ly hôn với anh nhưng anh đã thờ ơ, không quan tâm và cố tình trốn tránh, không đến Tòa án để nêu ý kiến của mình và cũng không mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T để các bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

* Về con chung: Không có.

* Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Nông Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nông Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số 0002410 ngày 11/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Quảng Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Quảng Hòa;
- UBND xã Tự Do, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Thuý Quỳnh